TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2022/QĐST-DS	*Bắc Kạn, ngày 15 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, 157, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 34/2022/TLST-DS ngày 19/12/2022 về việc *:"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Tranh chấp lối đi qua thửa đất liền kề"* giữa nguyên đơn Nông Văn N và bị đơn Nông Văn T.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nông Văn N, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Ông Nông Văn T, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T1 – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Nông Thị U, sinh năm 1967.

- Anh Nông Ngọc S, sinh năm 1989.

- Chị Nông Thị T2, sinh năm 1991.

- Bà Đàm Thị T3, sinh năm 1965.

- Anh Nguyễn Phương H, sinh năm 1988.

Đều có địa chỉ tại: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1988, địa chỉ: Số nhà C, phường Q, thành

phố H, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nông Văn N, bà Nông Thị U được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 74,9m^2 (=31,9m^2 + 43m^2) được giới hạn bởi các điểm 3-4-5-6-7-13-14-15-16-3 theo Đo đạc trích đo Bản đồ địa chính kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/4/2023 của TAND tỉnh Bắc Kạn thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ bản đồ số 15 (nay là tờ bản đồ số 201), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Nông Văn N và bà Nông Thị U có trách nhiệm thanh toán cho ông Nông Văn T và bà Đàm Thị T3 số tiền 40.000.000^đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông Nông Văn N không yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 323354 ngày 11/02/2015 do UBND huyện N cấp cho hộ ông Nông Văn T và bà Đàm Thị T3 đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ bản đồ số 15 (nay là tờ bản đồ số 201), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Nông Văn T và bà Đàm Thị T3 có trách nhiệm nhổ bỏ, di dời 04 cọc bê tông trên diện tích 74,9m^2 đất tranh chấp.

- Quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Nông Văn N và bà Nông Thị U có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Đề nghị hộ ông Nông Văn T và bà Đàm Thị T3, UBND huyện N có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc tách quyền sử dụng đất và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 323354 ngày 11/02/2015 do UBND huyện N cho hộ ông Nông Văn N và bà Nông Thị U đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ bản đồ số 15 (nay là tờ bản đồ số 201), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.800.000^đ (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*), nguyên đơn ông Nông Văn N tự nguyện chịu. Xác nhận ông N đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000^đ (*Một triệu đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0001740 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì. Ông N phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 700.000^đ (*Bảy trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- TANDCC tại Hà Nội;
- Lưu HCTP, HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hường